Để bài văn **phân tích bài thơ Nhàn** của bạn được trôi chảy, hấp dẫn và không bị thiếu ý, đừng do dự mà không xem ngay những gợi ý cách làm, dàn ý chi tiết phân tích nội dung bài thơ ***Nhàn*** do Đọc Tài Liệu tổng hợp và biên soạn dưới đây:

* Hướng dẫn **phân tích đề** (phân tích yêu cầu đề, xác lập luận điểm)
* **Dàn ý phân tích bài Nhàn** chi tiết
* **4 bài văn phân tích Nhàn hay** dùng đọc tham khảo

*Cùng tham khảo ngay...*



**I. Hướng dẫn phân tích bài thơ Nhàn (Nguyễn Bỉnh Khiêm)**

**1. Phân tích yêu cầu đề bài**

- Yêu cầu nội dung: phân tích nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Nhàn.*

- Phạm vi tư liệu, dẫn chứng: các câu, từ ngữ, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ *Nhàn* của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

- Phương pháp lập luận chính: Phân tích.

**2. Luận điểm phân tích bài Nhàn**

- **Luận điểm 1**: Hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

- **Luận điểm 2**: Quan niệm sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

- **Luận điểm 3**: Cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở chốn quê nhà.

- **Luận điểm 4**: Triết lí sống nhàn, vẻ đẹp nhân cách của nhà thơ.

Cùng bắt đầu **bài văn phân tích Nhàn** của mình ngay bây giờ với những gợi ý làm bài sau đây do Đọc Tài Liệu tổng hợp và biên soạn.

**II. Giới thiệu tác giả, tác phẩm**

**1. Tác giả Nguyễn Bỉnh Khiêm**

- Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585) hiệu là Bạch Vân am cư sĩ, được các môn sinh tôn là Tuyết Giang phu tử, là một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất của lịch sử cũng như văn hóa Việt Nam trong thế kỷ 16.

- Quê ở làng Trung An, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng)

- Sinh ra trong gia đình có bố mẹ nổi tiếng học rộng, được giáo dục cẩn thận về nhân cách và tài năng từ nhỏ nên "thông minh khác thường, chưa đến một tuổi đã nói sõi".

- Lớn lên trở thành học trò xuất sắc của bảng nhãn Lương Đắc Bằng ở làng Lạch Triều (thuộc huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa ngày nay) nổi danh trong giới sĩ phu đương thời.

- Ông đã bỏ qua đến 9 kì đại khoa và đậu Trạng Nguyên năm 1535 (năm 45 tuổi) vì không muốn đi lại vết xe cũ của người thầy Lương Đắc Bằng.

- Ông được biết đến nhiều vì tư cách đạo đức, tài thơ văn cũng như tài tiên tri các tiến triển của lịch sử Việt Nam.

- Nguyễn Bỉnh Khiêm mất năm 1585 ở tuổi 95. Ông để lại rất nhiều sáng tác thơ văn bằng cả chữ Nôm và chữ Hán, văn bia (bi ký), các tập sấm ký Nôm.

**2. Bài thơ Nhàn**

- “***Nhàn***” là bài thơ Nôm số 73 trong *Bạch Vân quốc ngữ thi*

- Nội dung: Bài thơ là lời tâm sự nhẹ nhàng, thâm trầm, sâu sắc về quan niệm sống nhàn của tác giả là hòa hợp với thiên nhiên, coi thường danh lợi, luôn giữ cốt cách thanh cao trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

- Bố cục 4 phần (đề - thực - luận - kết):

+ Hai câu đề: Hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm

+ Hai câu thực: Quan niệm sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm

+ Hai câu luận: Cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở chốn quê nhà

+ Hai câu kết: Triết lí sống nhàn.

- **Hoàn cảnh sáng tác:** Nguyễn Bỉnh Khiêm bấy giờ chán ghét cảnh quan trường và về quê ở ẩn. Ở đây ông có một cuộc sống an nhiên tự tại tránh xa những bon chen thị phi của chốn quan trường. Bài thơ này để thể hiện quan điểm và dại khôn ở đời. Nhan đề do người đời sau đặt.

**III. Dàn ý chi tiết phân tích Nhàn**

**1. Mở bài phân tích bài Nhàn**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

+ Nguyễn Bỉnh Khiêm là nhà thơ lớn, đa tài của văn học dân tộc với phong cách thơ mang đậm tính triết lí, giáo huấn, suy nghĩ, trăn trở về cuộc sống con người.

+ Bài thơ ***Nhàn*** là bài thơ Nôm nổi tiếng của Nguyễn Bỉnh Khiêm nói về cuộc sống thanh nhàn nơi thôn dã, thể hiện rõ quan niệm sống của tác giả.

**2. Thân bài phân tích bài thơ Nhàn**

**\* Khái quát về bài thơ *Nhàn***

- Hoàn cảnh sáng tác:

+ “*Nhàn*” là bài thơ Nôm số 73 trong *Bạch Vân quốc ngữ thi* của Nguyễn Bỉnh Khiêm được làm khi tác giả cáo quan về ở ẩn vì chán ghét cảnh quan trường bon chen và đầy thị phi.

- Giá trị nội dung: Bài thơ như lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, khẳng định quan niệm sống nhàn là hòa hợp với thiên nhiên, coi thường danh lợi, luôn giữ cốt cách thanh cao trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

\* **Luận điểm 1**: Hoàn cảnh sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm (2 câu đề)

- điệp số từ "*một*": một mình, lẻ loi

- *mai, cuốc, cần câu*: những vật dụng quen thuộc, đơn giản, thô sơ của người dân lao động dùng để đào đất, xới đất, câu cá.

-> Hình ảnh người nông dân đang điểm lại công cụ làm việc của mình và mọi thứ đã sẵn sàng, dù một mình nhưng tác giả vẫn vui tươi.

- “*Thơ thẩn*”: ung dung, tự tại, chăm chú, tỉ mẩn

- “*dầu ai*”: mặc cho ai

-> Sự khác biệt trong sở thích, lối sống của tác giả: Mặc cho ai có cách vui thú nào, ta cứ thơ thẩn giữa cuộc đời này, sống theo cách riêng của ta, ung dung, thảnh thơi.

=> Cụ Trạng trở về sống giữa chốn thôn quê để hòa hợp với tự nhiên như một lão nông chi điền nghèo khó nhưng an nhàn, thanh bình.

\* **Luận điểm 2**: Quan niệm sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm (2 câu thực)

- Nghệ thuật đối: "*ta*" với "*người*", "*khôn*" với "*dại*", "*vắng vẻ*" với *"lao xao"*-> sự đối lập về cách chọn nơi sống, niềm vui của Nguyễn Bỉnh Khiêm với người đời.

+ “*Nơi vắng vẻ*”: nơi tĩnh tại của thiên nhiên, nơi tâm hồn tìm thấy sự thảnh thơi.

+ “*Chốn lao xao*”: nơi quan trường, chốn giành giật tư lợi, sang trọng, tấp nập ngựa xe, quyền quý, kẻ hầu người hạ, bon chen, luồn lọt, hãm hại nhau.

-> Ông tự nhận mình là dại, cho người là khôn nhưng thực chất đó là cách nói ngược, hàm ý

-> Theo tác giả, dại thực chất là khôn bởi ở nơi quê mùa con người mới được sống an nhiên, thanh thản. Khôn thực chất là dại bởi chốn quan trường con người không được sống là chính mình.

=> Cách nói ngầm dại khôn của Nguyễn Bỉnh Khiêm xuất phát từ trí tuệ, thể hiện sự tự tin đầy bản lĩnh của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

=> Quan niệm sống “lánh đục tìm trong”.

**\* Luận điểm 3**: Cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở chốn quê nhà (2 câu luận)

- *"măng trúc", "giá"*: những thức ăn "cây nhà lá vườn" dân dã quen thuộc do chính tác giả làm ra.

- "*tắm hồ sen", "tắm ao*": tác giả cũng tắm hồ, tắm ao như bao người dân quê.

-> Sự giản dị, đạm bạc trong ăn uống và sinh hoạt, có sự gắn bó, hòa quyện giữa con người với thiên nhiên.

- Sự xuất hiện của bốn mùa: *xuân, hạ, thu, đông*

*=*> Sự hài lòng với cuộc sống giản dị, đạm bạc mà thanh cao, tự do, thoải mái, hòa quyện với thiên nhiên suốt 4 mùa của tác giả.

**\* Luận điểm 4**: Triết lí sống nhàn, vẻ đẹp nhân cách của nhà thơ (2 câu kết)

- Điển tích giấc mộng đêm hè của Thuần Vu Phần -> phú quý chỉ là một giấc chiêm bao.

- “*nhìn xem*”: một thế đứng cao hơn, dường như đã tiên liệu ngay từ khi chọn lối sống của một người tự cho mình là “dại” -> Cái nhìn của một bậc đại nhân đại trí, ông nhìn phú quý bằng ánh mắt coi thường, khinh bỉ, không đáng để ông suy nghĩ, bận tâm tới.

=> Tác giả tìm đến rượu để say để chiêm bao và để nhận ra rằng cuộc sống công danh phú quý chỉ như một giấc mơ dưới gốc cây hòe thoảng qua vô nghĩa, cái vĩnh hằng bất biến còn mãi với thời gian là chính là vẻ đẹp thiên nhiên và vẻ đẹp nhân cách của con người.

=> Quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm là sống hòa hợp với thiên nhiên, xa lánh những vinh hoa quyền quý thoát khỏi vòng danh lợi với tâm hồn thanh thản, thư thái.

**3. Kết bài phân tích Nhàn**

- Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ:

+ *Nội dung*: Bài thơ như lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, khẳng định quan niệm sống nhàn là hòa hợp với thiên nhiên, coi thường danh lợi, luôn giữ cốt cách thanh cao trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.

+ *Đặc sắc nghệ thuật:* Thể thơ thất ngôn bát cú; từ láy được sử dụng linh hoạt; hình ảnh gắn bó với đời sống nhân dân; sử dụng phép đối, điển cố; ngôn từ mộc mạc, tự nhiên mà giàu tính triết lí; nhịp thơ chậm rãi, nhẹ nhàng.

>>> Xem thêm những mẫu [dàn ý phân tích bài thơ Nhàn](https://doctailieu.com/dan-y-phan-tich-bai-tho-nhan-cua-nguyen-binh-khiem) của Nguyễn Bỉnh Khiêm

**III. Top 4 bài văn hay phân tích Nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm**

    Phân tích bài thơ Nhàn đã có rất nhiều bài văn hay và sâu sắc, dưới đây là tuyển tập một số bài tiêu biểu và đạt điểm cao trong số đó các em có thể đọc tham khảo để nắm vững cách làm.

**1. Phân tích bài Nhàn là tiếng lòng của Nguyễn Bỉnh Khiêm về cuộc sống an nhàn nơi đồng quê**

     Nguyễn Bỉnh Khiêm là người có học vấn uyên thâm, từng làm quan nhưng vì cảnh quan trường nhiều bất công nên ông đã cáo quan về ở ẩn; sống cuộc sống an nhàn, thảnh thơi. Ông còn được biết đến là nhà thơ nổi tiếng với hai tập thơ tiếng Hán “*Bạch Vân am thi tập*” và tập thơ tiếng Nôm “*Bạch Vân quốc ngữ thi*”. Bài thơ “***Nhàn***“ được rút trong tập thơ “*Bạch Vân quốc ngữ thi*”. Bài thơ được viết bằng thể thất ngôn bát cú đường luật, là tiếng lòng của Nguyễn Bỉnh Khiêm về một cuộc sống nhiều niềm vui, an nhàn và thanh thản nơi đồng quê.

     Xuyên suốt bài thơ là tâm hồn tràn ngập niềm vui và sự thanh tịnh trong tâm hồn tác giả. Có thể xem đây là điểm nhấn, là tinh thần chủ đạo của bài thơ. Chỉ với 8 câu thơ Đường luật nhưng Nguyễn Bỉnh Khiêm đã mang đến cho người đọc một cuộc sống an nhàn nơi đồng quê êm ả.

     Mở đầu bài thơ là hai câu thơ đề rất mộc mạc:

*Một mai một cuốc, một cần câu*

*Thơ thẩn dầu ai vui thú nào*

     Với phép lặp “một” - “một” đã vẽ lên trước mắt người đọc một khung cảnh bình dị, đơn sơ nơi quê nghèo, dù một mình nhưng không hề đơn độc. Hai câu thơ toát lên sự thanh tịnh của tâm hồn và êm đềm của thiên nhiên ở vùng quê Bắc Bộ. “Một cuốc”, “một cần câu” gợi lên sự bình dị, mộc mạc của một người nông dân chất phác. Hình ảnh Nguyễn Bỉnh Khiêm hiện lên là một lão nông an nhàn, thảnh thơi với thú vui tao nhã là câu cá và làm vườn. Đây có thể nói là cuộc sống đáng mơ ước của rất nhiều người ở thời kỳ phong kiến ngày xưa nhưng không phải ai cũng có thể dứt bỏ được chốn quan trường về với đồng quê như thế này. Động từ “thơ thẩn” ở câu thơ thứ hai đã tạo nên nhịp điệu khoan thai, êm ái cho người đọc. Dù ngoài kia người ta vui vẻ nơi chốn đông người thì Nguyễn Bỉnh Khiêm vẫn mặc kệ, vẫn bỏ mặc để “an phận” với cuộc sống của mình hiện tại. Cuộc sống của ông khiến nhiều người ngưỡng mộ.

     Đến hai câu thơ thực tiếp theo càng khắc họa rõ nét hơn chân dung của “lão nông Nguyễn Bỉnh Khiêm”.

*Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ*

*Người khôn người đến chốn lao xao*

     Đây có thể xem là tuyên ngôn sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm những năm tháng sau khi cáo quan về ở ẩn. Ông tự nhận mình “dại” khi tìm nơi vắng vẻ đến sống, nhưng đây là cái “dại” khiến nhiều người ghen tỵ và ngưỡng mộ. Ông rất khéo léo trong việc dùng từ ngữ độc đáo, lột tả được hết phong thái của ông. Ông bảo rằng những người chọn chốn quan trường là những người “khôn”. Một cách khen rất tinh tế, khen mà chê, cũng có thể là khen mình và chê người. Tứ thơ ở hai câu này hoàn toàn đối lập nhau từ ngôn ngữ đến dụng ý “dại” - “khôn”, “vắng vẻ” - “lao xao”. Nguyễn Bỉnh Khiêm tìm về nơi vắng vẻ để ở có phải là trốn tránh trách nhiệm với nước hay không? Với thời thế như bấy giờ và với cốt cách của ông thì “nơi vắng vẻ” mới thực sự là nơi để ông sống đến suốt cuộc đời. Một cốt cách thanh cao, một tâm hồn đáng ngưỡng mộ.

     Hai câu thơ luận đã gợi mở cho người đọc về cuộc sống bình dị, giản đơn và thanh cao của Nguyễn Bỉnh Khiêm:

*Thu ăn măng trúc đông ăn giá*

*Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao*

     Một cặp câu đã lột tả hết tất cả cuộc sống sinh hoạt và thức ăn hằng ngày của “lão nông nghèo”. Mùa nào đều tương ứng với thức ăn đấy, tuy không có sơn hào hải vị nhưng những thức ăn có sẵn này lại đậm đà hương vị quê nhà, khiến tác giả an phận và hài lòng. Mùa thu có măng trúc ở trên rừng, mùa đông ăn giá. Chỉ với vài nét chấm phá Nguyễn Bỉnh Khiêm đã “khéo” khen thiên nhiên đất Bắc rất hào phóng, đầy đủ thức ăn. Đặc biệt câu thơ “Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao” phác họa vài đường nét nhẹ nhàng, đơn giản nhưng toát lên sự thanh tao không ai sánh được. Một cuộc sống dường như chỉ có tác giả và thiên nhiên, mối quan hệ tâm giao hòa hợp nhau.

     Đến hai câu thơ kết dường như đúc kết được tinh thần, cốt cách cũng như suy nghĩ của Nguyễn Bỉnh Khiêm:

*Rượu đến cội cây ta sẽ uống*

*Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*

     Hai câu thơ này là triết lý và sự đúc rút của Nguyễn Bỉnh Khiêm trong thời gian ở ẩn. Đối với một con người tài hoa, có trí tuệ lớn như thế này thì thực sự phú quý không hề là giấc chiêm bao. Ông từng đỗ Trạng nguyên thì tiền bạc, của cải đối với ông thực ra mà nói không hề thiếu nhưng đó lại không phải là điều ông nghĩ đến và tham vọng. Với ông phú quý chỉ “tựa chiêm bao”, như một giấc mơ, khi tỉnh dậy thì sẽ tan, sẽ hết mà thôi. Có thể xem đây chính là cách nhìn nhận sâu sắc, đầy triết lý nhất. Với một con người thanh tao và ưa sống an nhàn thì phú quý chỉ như hư vô mà thôi, ông yêu nước nhưng yêu theo một cách thầm lặng nhất. Cách so sánh độc đáo đã mang đến cho hai câu kết một tứ thơ hoàn hảo nhất.

     Như vậy với 8 câu thơ, bài thơ “*Nhàn*” của Nguyễn Bỉnh Khiêm đã khiến người đọc ngưỡng mộ và khâm phục cốt cách, tinh thần và phong thái của ông. Là một người yêu nước, thích sự thanh bình và coi trọng cốt cách xứng đáng là tấm gương đáng học hỏi. Bài thơ Đường luật kết cấu chặt chẽ, tứ thơ đơn giản nhưng hàm ý sâu xa đã làm toát lên tâm hồn và cốt cách của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Cho đến bây giờ, ông vẫn được rất nhiều người ngưỡng mộ.

**2. Phân tích bài Nhàn để hiểu quan niệm sống của một bậc ẩn sĩ thanh cao**

*(Một bài văn mẫu phphaan tích nhàn với phương thức lập luận chặt chẽ.)*

     Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 - 1585) sống gần trọn một thế kỉ đầy biến động của chế độ phong kiến Việt Nam: Lê - Mạc xưng hùng, Trịnh - Nguyễn phân tranh. Trong những chấn động làm rạn nứt những quan hệ nền tảng của chế độ phong kiến, ông vừa vạch trần những thế lực đen tối làm đảo lộn cuộc sống nhân dân, vừa bảo vệ trung thành cho những giá trị đạo lí tốt đẹp qua những bài thơ giàu chất triết lí về nhân tình thế thái, bằng thái độ thâm trầm của bậc đại nho. ***Nhàn*** là bài thơ Nôm nổi tiếng của ông nêu lên quan niệm sống của một bậc ẩn sĩ thanh cao, vượt ra cái tầm thường xấu xa của cuộc sống bon chen vì danh lợi.

      Nhà thơ đã nhiều lần đứng trên lập trường đạo đức nho giáo để bộc lộ quan niệm sống của mình. Những suy ngẫm ấy gắn kết với quan niệm đạo lí của nhân dân, thể hiện một nhân sinh quan lành mạnh giữa thế cuộc đảo điên. *Nhàn* là cách xử thế quen thuộc của nhà nho trước thực tại, lánh đời thoát tục, tìm vui trong thiên nhiên cây cỏ, giữ mình trong sạch. Hành trình hưởng nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm nằm trong quy luật ấy, tìm về với nhân dân, đối lập với bọn người tầm thường bằng cách nói ngụ ý vừa ngông ngạo, vừa thâm thúy.

     Cuộc sống nhàn tản hiện lên với bao điều thú vị.

*“Một mai, một cuốc, một cần câu,*

*Thơ thẩn dầu ai vui thú nào”*

     Ngay trước mắt người đọc sẽ hiện lên một Nguyễn Bỉnh Khiêm thật dân dã trong cái bận rộn giống như một lão nông thực thụ. Nhưng đó là cả một cách chọn lựa thú hưởng nhàn cao quý của nhà nho tìm về cuộc sống “ngư, tiều, canh, mục” như một cách đối lập dứt khoát với các loại vui thú khác, nhằm khẳng định ý nghĩa thanh cao tuyệt đối từ cuộc sống đậm chất dân quê này! Dáng vẻ thơ được phác họa trong câu thơ độc đáo, mang lại vẻ ung dung bình thản của nhà thơ trong cuộc sống nhàn tản thật sự.

     Thực ra, sự hiện diện của mai, cuốc, cần câu chỉ là một cách tô điểm cho cái thơ thẩn khác đời của nhà thơ mà thôi. Những vật dụng lao động quen thuộc của người bình dân trở thành hiện thân của cuộc sống không vướng bận lo toan tục lụy. Đằng sau những liệt kê của nhà thơ, ta nhận ra những suy nghĩ của ông không tách rời quan điểm thân dân của một con người chọn cuộc đời ẩn sĩ làm lẽ sống của riêng mình. Trạng Trình đã nhìn thấy từ cuộc sống của nhân dân chứa đựng những vẻ đẹp cao cả, một triết lí nhân sinh vững bền.

     Đó cũng là cơ sở giúp nhà thơ khẳng định một thái độ sống khác người đầy bản lĩnh.

*“Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,*

*Người khôn người đến chốn lao xao”*

     Hai câu thực là một cách phân biệt rõ ràng giữa nhà thơ với những ai, những vui thú nào về ranh giới nhận thức cũng như chỗ đứng giữa cuộc đời. Phép đối cực chuẩn đã tạo thành hai đối cực: một bên là nhà thơ xưng ta một cách ngạo nghễ, một bên là người, một bên là dại của ta, một bên là khôn của người, một nơi vắng vẻ với một chốn lao xao.

     Đằng sau những đối cực ấy là những ngụ ý tạo thành phản đề khẳng định cho thái độ sống cùa Nguyễn Bỉnh Khiêm. Bản thân nhà thơ nhiều lần đã định nghĩa dại - khôn bằng cách nói ngược này. Bởi vì người đời lấy lẽ dại - khôn để tính toán, tranh giành thiệt hơn, cho nên thực chất dại - khôn là thói thực dạng ích kỉ làm tầm thường con người, cuốn con người vào dục vọng thấp hèn.

     Mượn cách nói ấy, nhà thơ chứng tỏ được một chỗ đứng cao hơn và đối lập với bọn người mờ mắt vì bụi phù hoa giữa chốn lao xao. Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng chủ động trong việc tìm nơi vắng vẻ - không vướng bụi trần. Nhưng không giống lối nói ngược của Khuất Nguyên thuở xưa “Người đời tỉnh cả, một mình ta say” đầy u uất, Trạng Trình đã cười cợt vào thói đời bằng cái nhếch môi lặng lẽ mà sâu cay, phê phán vào cả một xã hội chạy theo danh lợi, bằng tư thế của một bậc chính nhân quân tử không bận tâm những trò khôn - dại. Cũng vì thế, nhà thơ mới cảm nhận được tất cả vẻ đẹp của cuộc sống nhàn tản:

*"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá*

*Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao"*

    Khác hẳn với lối hưởng thụ vật chất đắm mình trong vinh hoa, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã thụ hưởng những ưu đãi của một thiên nhiên hào phóng bằng một tấm lòng hòa hợp với tự nhiên. Tận hưởng lộc từ thiên nhiên bốn mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông, nhà thơ cũng được hấp thụ tinh khí đất trời để gột rửa bao lo toan vướng bận riêng tư. Cuộc sống ấy mang dấu ấn lánh đời thoát nét gần gũi với triết lí “vô vi” của đạo Lão. “Thoát tục” của đạo Phật.

     Nhưng gạt sang một bên những triết lí siêu hình, ta nhận ra con người nghệ sĩ đích thực của Nguyễn Bỉnh Khiêm, hòa hợp với tự nhiên một cách sang trọng bằng tất cả cái hồn nhiên trong sạch của lòng mình. Không những thế, những hình ảnh măng trúc, giá, hồ sen còn mang ý nghĩa biểu tượng gắn kết với phẩm chất thanh cao của người quân tử, sống không hổ thẹn với lòng mình. Hòa hợp với thiên nhiên là một Tuyết Giang Phu Tử đang sống đúng với thiên lương của mình.

     Quan niệm về chữ "nhàn" của nhà thơ được phát triển trọn vẹn bằng sự khẳng định:

*“Rượu đến cội cây, ta sẽ uống,*

*Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao."*

    Mượn điển tích một cách rất tự nhiên, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã nói lên thái độ sống dứt khoát đoạn tuyệt với công danh phú quý. Quan niệm ấy vốn dĩ gần với đạo Lão - Trang, có phần yếm thế tiêu cực, nhưng đặt trong thời đại nhà thơ đang sống lại bộc lộ ý nghĩa tích cực. Cuộc sống của những kẻ chạy theo công danh phú quý vốn dĩ ông căm ghét và lên án trong rất nhiều bài thơ về nhân tình thế thái của mình:

*“Ở thế mới hay người bạc ác,*

*Giàu thì tìm đến, khó thì lui”*

(Thói đời)

    Phú quý đi với chức quyền đối với Nguyễn Bỉnh Khiêm chỉ là cuộc sống của bọn người bạc ác thủ đoạn, giẫm đạp lên nhau mà sống. Bọn chúng là bầy chuột lớn gây hại nhân dân mà ông vô cùng căm ghét và lên án trong bài thơ ‘‘*Tăng thử*” (Ghét chuột) của mình. Bởi thế, có thể hiểu thái độ nhìn xem phú quý tựa chiêm bao cũng là cách nhà thơ chọn lựa con đường sống gần gũi, chia sẻ với nhân dân. Cuộc sống đạm bạc mà thanh cao của người bình dân đáng quý đáng trọng vì đem lại sự thanh thản cũng như giữ cho nhân cách không bị hoen ố vẩn đục trong xã hội chạy theo thế lực kim tiền. Cội nguồn triết lí của Nguyễn Bỉnh Khiêm gắn liền với quan niệm sống lành vững tốt đẹp của nhân dân.

     Bài thơ “***Nhàn***” bao quát toàn bộ triết lí, tình cảm, trí tuệ của Nguyễn Bỉnh Khiêm, bộc lộ trọn vẹn một nhân cách của bậc đại ẩn tìm về với thiên nhiên, với cuộc sống của nhân dân để đối lập một cách triệt để với cả một xã hội phong kiến trên con đường suy vong thối nát. Bài thơ là kinh nghiệm sống, bản lĩnh cứng cỏi của một con người chân chính.

**3. Phân tích Nhàn về những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người, thời đại**

*(Đây là bài phân tích bài thơ Nhàn với cách mở bài gián tiếp.)*

   “Thơ khởi phát từ lòng người ta”, chứa đựng biết bao nhiêu rung cảm, trăn trở nơi người cầm bút. Một tác phẩm thơ chân chính, muốn vượt lên sức mạnh của thời gian, của lòng người, ẩn chứa trong đó những tình cảm thật, suy nghĩ thật và phải được viết lên từ mồ hôi và nước mắt của nhà thơ. Với “*Nhàn*”, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã gửi tới người đọc những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người, thời đại mà cho đến tận ngày nay người ta vẫn phải suy ngẫm.

    Cũng giống như Nguyễn Trãi, sống giữa một thời đại loạn lạc, đầy biến động, nơi mà các giá trị truyền thống đạo đức bị đảo lộn, con người trở nên vị kỉ hơn, vụ lợi hơn, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã tìm về với cuộc sống nơi thôn dã, vui với việc “cày nhàn câu vắng”, tự mình thích thảng với lòng mình, tạm quên hết sự đời “dầu ai vui thú nào”. Gửi chí hướng về nơi thôn dã, cuộc sống của thi nhân nơi thôn quê hiện lên như một “lão nông chi điền”:

*Một mai, một cuốc, một cần câu*

*Thơ thẩn dầu ai vui thú nào*

     Bài thơ mở đầu bằng phép liệt kê kết hợp với điệp từ “một” đã gợi mở ra một cuộc sống đơn sơ, chất phác với những công cụ lao động quen thuộc của người dân quê. Một cuộc sống thuần phác, giản dị với “mai”, “cuốc” và “cần câu” nhưng an nhàn và thanh tao. Đặc biệt, hai chữ “thơ thẩn” kết hợp với nhịp thơ 2/2/3 một cách tài tình, đã gợi ra chân dung của Nguyễn Bỉnh Khiêm giữa chốn thôn quê dân dã. Đó là dáng điệu ung dung, thu thái của một nhà thơ, cũng là nhịp điệu cuộc sống thường nhật của nhân vật trữ tình. Thanh thản, tự tại là tâm thế con người đã xác định được lẽ sống của mình, rời xa cõi trần tục, lòng không vướng bận xung quanh. Câu thơ cũng là lời bày tỏ thái độ cự tuyệt đời sống thị thành, chối bỏ mọi sự nhập cuộc, tự tách mình khỏi thế nhân trụy lạc để giữ khí thiết thanh tao.

   Trở về với cuộc sống thuần phác, chân chất, Nguyễn Bỉnh Khiêm tiếp tục cụ thể hóa bằng một đời sống tinh thần và lề lối sinh hoạt hòa hợp với thiên nhiên. Ông nương theo quy luật đất trời, thuận theo thời tiết bốn mùa:

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,*

*Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

   Các nguyên liệu cho đời sống, không gian sinh hoạt đều rất bình dị, đơn sơ với “măng trúc”, “giá” là những món ăn dân dã sẵn có trong tự nhiên; “ao”, “hồ” là những bến nước thôn quê đơn sơ và bình dị. Đó là sự thể hiện một lối sống, một thái độ xử thế cầu nhàn không hề kham khổ mà trái lại nó toát lên vẻ thanh cao của nhân vật trữ tình. Con người giờ đây đã hòa hợp với thiên nhiên bốn mùa, với sự luân chuyển của thời gian và không thể tách khỏi thiên nhiên.

     Như vậy, với Nguyễn Bỉnh Khiêm, nhàn trước hết là một cách sống. Cùng với “*Cảnh ngày hè*” của Nguyễn Trãi, ông đã khẳng định một lối sống thanh tao của các bậc hiền tài giữa cảnh đất nước suy tàn, loạn lạc: rời xa cõi trần phàm tục để tìm về với thiên nhiên, sống một cuộc sống giản dị, thuần phác để giữ tâm hồn được thư thái, thanh sạch.

     Thi nhân đau đớn, phê phán thế thái nhân tình, đạo lí suy vi và tìm đến sự hòa giải nội tâm bằng một lối sống gián cách với cõi đời. Đã hơn một lần, ông lên tiếng chối bỏ lối sống đô hội thị thành, sống một cuộc sống tự tại, không đua tranh:

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,*

*Người khôn, người đến chốn lao xao.*

     Bằng nghệ thuật đối rất chỉnh, tác giả đã đối lập giữa cái “vắng vẻ” với “chốn lao xao”, giữa “ta” với “người”. Cái “lao xao” đó chính là nơi trần tục đầy những sự nhân vi, toan tính, bon chen mà Nguyễn Bỉnh Khiêm từng chiêm nghiệm, chán ghét và thể hiện trong nhiều bài thơ khác: “*Thành thị vốn đua tranh giành giật”; “Vật vờ thành thị làm chi nữa”; “Đường lợi há theo thị tỉnh*”… Đối lập lại, ông đề cao lối sống dân dã, thanh đạm, kiệm cần, đề cao “nơi vắng vẻ” và rất mực coi trọng tinh thần tự tại bằng một lối nói khiêm nhường “*Ta dại…*”. Đương nhiên, đó là một lối sống mới mẻ, có sự hấp dẫn bởi vẻ đẹp đạo lí, cách biệt với “thói đời”. Nếu nhìn cuộc sống ấy theo quan niệm đạo đức nhà nho một chiều, người ta không dễ dàng chấp nhận những mầm mống lối sống mới đó. Trên tất cả, ông đã hòa giải được những phức tạp nội tâm bằng tinh thần tự tại và thái độ gián cách với thế tục, đứng trên thế tục. Nhưng xét đến cùng, đó mới chính là cái khôn của bậc đại trí, quay lưng lại với danh lợi, sống một cuộc sống an nhàn để giữ cho tâm hồn thư thái.

     Nguyễn Bỉnh Khiêm đã chứng kiến và chiêm nghiệm lẽ đời, đã đi đến cùng của sự khôn dại để thấu hiểu và tìm ra triết lí “nhàn” – cũng là triết lí nhân sinh sâu sắc:

*Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống*

*Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*

    Thi nhân đã nhắc đến giấc mộng dưới cây hòe của Thuần Vu Phần để thức tỉnh một chân lí: của cải, vật chất chỉ là ảo mộng, như một giấc chiêm bao, bất chợt đến rồi lại bất chợt đi. Phải trải qua tất cả cảnh đời, trường đời như thế rồi Nguyễn Bỉnh Khiêm mới đạt tới thế ứng xử văn hóa mang tinh thần triết lí về nhàn dật và tự tại. Một tinh thần nhàn dật và tự tại như thế nhiều khi biểu lộ cách nói hơn là hành động thực, một giải pháp tình thế hơn là chí hướng cả đời người, một sự độc tôn tâm trạng bất đắc dĩ hơn là khả năng tìm ra lối thoát tối ưu. Bởi xét đến cùng, giữa một xã hội đâu đâu cũng là hư danh, phú quý phù du, mấy ai được như Nguyễn Bỉnh Khiêm và Nguyễn Trãi để nhìn thấy lẽ đời, sự đời, để gìn giữ khí tiết thanh tao. Nhân vật trữ tình đã tìm đến cái say để tỉnh, dùng mộng để nói thực và thốt lên những chiêm nghiệm sâu sắc. Cũng như chính thi nhân đã bày tỏ rõ ràng trong bài tựa tập thơ *Am Bạch Vân*: “Ôi, nói tâm là nói về cái chỗ mà chí đạt tới vậy, mà thơ lại là đề nói chí. Có kẻ chí để ở đạo đức, có kẻ chí để ở công danh, có kẻ chí để ở sự nhàn dật. Tôi lúc nhỏ chịu sự dạy dỗ của gia đình, lớn lên bước vào giới sĩ phu, lúc về già chí thích nhàn dật, lấy cảnh núi non sông nước làm vui…”.

    Có thể nói, nhàn là một chủ đề rất phổ biến trong thơ ca trung đại, là một nét tư tưởng văn hóa rất sâu sắc của người xưa, đặc biệt là tầng lớp trí thức. Sống nhàn dật với tự nhiên để tu dưỡng nhân cách, đem lại thú vui tao nhã cho con người. Biết sống nhàn, biết tìm thú nhàn là cả một học thuyết triết học lớn. Bài thơ “***Nhàn***” của Nguyễn Bỉnh Khiêm in đậm dấu ấn tinh thần con người cá nhân trước một thời đại mất phương hướng, chao đảo, loạn lạc, nhiều đổi thay. Đặt trong tương quan với nhiều tác phẩm thơ văn khác, các sáng tác của ông hàm chứa tính phức hợp của cung bậc tâm trạng. Thi nhân đã đưa ra nhiều cách thức hình dung về cuộc đời, soi nhìn cuộc sống từ nhiều góc cạnh, tự đặt mình trong mỗi tình huống cụ thể mà bài thơ “*Nhàn*” chỉ là một chiêm nghiệm riêng. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp nhận thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm cần được xem xét trong tính tổng thể song cũng phải chú tới mối liên hệ giữa các đường hướng tâm trạng phù hợp với từng cảnh đời và chặng đường đời cụ thể.

     Như vậy, khép lại bài thơ, người đọc vẫn còn vương vấn cuộc sống an nhàn, thanh tao, giản dị mà Nguyễn Bỉnh Khiêm coi đó là cách sống, là triết lí sống sâu sắc: vinh hoa phú quý chỉ là phù du, như một giấc mộng, rời xa chốn hư danh phàm tục đó để giữ khí tiết thanh sạch mới là bậc đại trí. Điều đó đã làm nên sức sống trường tồn bất diệt của tác phẩm trước sức mạnh của dòng thời gian và đời người.

**4. Phân tích Nhàn - biểu dương quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm**

*(Văn mẫu phân tích bài Nhàn có sự liên hệ)*

     Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 – 1585) quê ở làng Trưng Âm, xã Lí Học, huyện Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải Phòng, ông đỗ Trạng nguyên năm 1535 và ra làm quan dưới triều nhà Mạc. Ông đã để lại cho đời tập thơ chữ Hán ***Bạch Vân am thi tập*** (khoảng 700 bài) và tập thơ chữ Nôm ***Bạch Vân quốc ngữ thi*** (khoảng trên 170 bài). Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm mang đậm chất triết lí, giáo huấn, ca ngợi ý chí thành cao của kẻ sĩ và biểu dương quan niệm sống nhàn, đồng thời phê phán những điều xấu xa trong xã hội đương thời.

     ***Nhàn*** là bài thơ Nôm nằm trong tập *Bạch Vân quốc ngữ thi*. Nhan đề bài thơ là do người đời sau đặt. Bài thơ như lời tâm sự thâm trầm, sâu sắc, khẳng định quan niệm sống nhàn là hòa hợp với tự nhiên, giữ được cốt cách thanh cao, khí tiết cương trực, vượt lên trên những danh lợi tầm thường.

     Hai câu thơ đầu phản ánh cuộc sống nhàn nhã, ung dung của Nguyễn Bỉnh Khiêm:

*Một mai, một cuốc, một cần câu,*

*Thơ thẩn dầu ai vui thú nào.*

     Quan Trạng về sống giữa chốn thôn quê nay đã giống như một “lão nông tri điền”, hằng ngày làm bạn với những công cụ lao động như mai để đào đất, cuốc để xới đất, cần câu để câu cá,... Cách dùng số từ tính đếm rành rọt cho thấy tất cả đã trở nên gần gũi, quen thuộc trong cuộc sống của ông.

     Câu thơ đưa ta trở về với cuộc sống chất phác đơn sơ của cái thời “tạc tỉnh canh điền” (đào giếng lấy nước uống, cày ruộng lấy cơm ăn) xa xưa. Quan Trạng đang áo mũ xênh xang, chức lớn, bổng lộc nhiều, ấy vậy mà bỗng dưng rũ bỏ tất cả để trở về với đời sống “tự cung tự cấp” thì cũng đã là: một sự ngông ngạo trước thói đời hám danh, hám lợi. Ngông ngạo mà không ngang tàng, cứ thuần hậu, nguyên thủy, chân chất nông dân:

*Thơ thẩn dầu ai vui thú nào.*

     Hai chữ *Thơ thẩn* phản ánh một cách tài tình phong cách ung dung và tâm trạng thảnh thơi của con người tự cho mình là đã xa lánh cõi trần tục đầy tham, sân, si; trong lòng không còn vướng bận những âm mưu, toan tính bon chen. Niềm vui như hiện lên trong từng bước đi thong thả, nhàn nhã. Niềm vui chi phối cả âm điệu bài thơ, cứ nhẹ nhàng, lâng lâng, thanh thản một cách lạ kì. Cụm từ "dầu ai vui thú nào" còn nói lên lập trường kiên định của nhà thơ trước lối sống đã lựa chọn. Chữ ai vốn là một đại từ phiếm chỉ, được tác giả sử dụng trong câu thơ này với một nghĩa rất rộng, càng suy ngẫm càng thấy thú vị.

     Nguyễn Bỉnh Khiêm cáo quan, trở về quê nhà tức là trở về với thiên nhiên. Sống hòa hợp với thiên nhiên có nghĩa là đã thoát khỏi vòng tranh đua của thói tục, không còn bị cuốn hút bởi tiền tài, địa vị, để tâm hồn được an nhiên, khoáng đạt:

*Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,*

*Người khôn, người đến chốn lao xao.*

     Nhân cách thanh cao Nguyễn Bỉnh Khiêm đối lập với danh lợi như nước với lửa. Vắng vẻ đối lập với lao xao, ta đối lập với người. Tìm nơi vắng vẻ không phải là lánh đời mà là tìm nơi mình thích thú, được sống thoải mái, an nhiên, khác xa chốn quan trường hiểm hóc vinh liền nhục. Nơi vắng vẻ là nơi không có chuyện cầu cạnh, bon chen. Nơi vắng vẻ là nơi thiên nhiên tươi xanh, mang lại sự thảnh thơi cho tâm hồn. Chốn lao xao là chốn cửa quyền trống giong cờ mở, là đường hoạn lộ tấp nập ngựa xe… Đến chốn lao xao là đến chốn chợ lợi đường danh huyên náo, nơi con người chen chúc xô đẩy, giẫm đạp lên nhau để giành giật quyền lợi, để vinh thân phì gia. Đây là nơi có nhiều nguy hiểm khôn lường.

     Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm là một bậc thức giả có trí tuệ vô cùng sáng suốt. Sáng suốt trong sự chọn lựa: *Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ*, mặc cho: *Người khôn, người đến chốn lao xao*. Sáng suốt trong cách nói đùa vui hóm hỉnh, ngược nghĩa: dại mà thực chất là khôn, còn khôn mà hóa dại.

     Ở một bài thơ khác, Nguyễn Bỉnh Khiêm viết:

*Khôn mà hiểm độc là khôn dại,*

*Dại vốn hiền lành ấy dại khôn.*

(Thơ Nôm)

     Như vậy là quan niệm dại, khôn của Nguyễn Bỉnh Khiêm xuất phát từ trí tuệ, triết lí dân gian: Ở hiền gặp lành; ở ác gặp ác. Cuộc sống của bậc đại nhân ở *am* *Bạch Vân* đạm bạc mà thanh cao biết mấy:

*Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,*

*Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.*

     Hai câu thơ tả cảnh sinh hoạt giản dị mà không kém phần thú vị nơi thôn dã với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Nhà thơ nói về chuyện sinh hoạt hằng ngày như chuyện ăn, chuyện tắm,… tuy cực kì đơn sơ nhưng thích thú ở chỗ mùa nào cũng sẵn, chẳng phải nhọc công tìm kiếm về mặt tinh thần, cuộc sống giản dị như thế cho phép con người được tự do, tự tại, không cần phải luồn cúi, cầu cạnh kẻ khác, không cần phải theo đuổi công danh, phú quý, không bị gò bó, ràng buộc vào bất cứ khuôn phép nào.

     Những thức ăn quê mùa, dân dã như măng trúc, giá… đều là cây nhà lá vườn, do mình tự làm ra, là công sức của chính mình. Ăn đã vậy, còn ở, còn sinh hoạt? Quan Trạng giờ đây cũng tắm hồ sen, tắm áo như bao người dân quê khác.

     Là bậc triết gia với trí tuệ uyên thâm, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã nắm vững lẽ biến dịch, hiểu thấu quy luật của Tạo hóa và của xã hội. Theo ông, cái khôn của bậc chính nhân quân tử là quay lưng lại với danh lợi, tìm sự thư thái cho tâm hồn, sống ung dung hòa hợp với thiên nhiên thuần khiết.

     Nhãn quan tỏ tường và cái nhìn thông tuệ của nhà thơ thể hiện tập trung nhất ở hai câu thơ cuối. Nhà thơ tìm đến cái “say” là để “tỉnh” và ông tỉnh táo hơn bao giờ hết:

*Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,*

*Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

     Quan Trạng khẳng định một lần nữa sự lựa chọn lối sống nhàn của mình. Cuộc sống nhàn dật này là kết quả của một nhân cách, một trí tuệ khác thường. Trí tuệ sáng suốt nhận ra rằng công danh, của cải, quyền quý chỉ tựa chiêm bao. Trí tuệ nâng cao nhân cách, làm cho lập trường thêm kiên định để nhà thơ có đủ quyết tâm từ bỏ chốn quan trường lao xao danh lợi, tìm đến nơi thiên nhiên vắng vẻ mà trong sạch, thanh cao để di dưỡng tinh thần, giữ vững hai chữ thiện lương.

     Nhàn là chủ đề rất phổ biến trong thơ văn thời trung đại. Nhàn là một nét tư tưởng và văn hóa rất sâu sắc của người xưa, đặc biệt là của tầng lớp trí thức. Sống nhàn hợp với tự nhiên, hợp với việc tu dưỡng nhân cách, có điều kiện dưỡng sinh, kéo dài tuổi thọ. Sống nhàn đem lại những thú vui lành mạnh cho con người. Biết sống nhàn, biết tìm thú nhàn là cả một học thuyết triết học lớn.

     Quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm không phải nhằm mục đích trốn tránh vất vả, cực nhọc về thể chất, quay lưng với xã hội, chỉ lo cho cuộc sống nhàn tản của bản thân, ông cho rằng sống nhàn là xa lánh nơi quyền quý, danh lợi mà ông gọi là chốn lao xao. Nhàn là sống hoà hợp với tự nhiên, về với tự nhiên để tu tâm dưỡng tính. Nguyễn Bỉnh Khiêm nhàn thân mà không nhàn tâm, lúc nào cũng canh cánh nỗi niềm thương nước lo dân. Đặt trong hoàn cảnh xã hội phong kiến đương thời đã có những biểu hiện suy vi về đạo đức thì quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm mang nhiều yếu tố tích cực.

     Chân dung Nguyễn Bỉnh Khiêm thể hiện khá rõ nét qua bài thơ ***Nhàn***. Từ bức chân dung giản dị, mộc mạc ấy toát lên vẻ đẹp nhân cách cao quý, vẻ đẹp trí tuệ tuyệt vời của bậc đại Nho mà tên tuổi lưu danh muôn thuở.

Tham khảo thêm: [Biện pháp nghệ thuật và tu từ trong Nhàn](https://doctailieu.com/bien-phap-nghe-thuat-va-tu-tu-nhan-nguyen-binh-khiem) của Nguyễn Bỉnh Khiêm

### 5. Phân tích Nhàn - Bài mẫu số 5

Nguồn: Lớp văn cô Thu

      Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 – 1585) đỗ Trạng nguyên; học vị cao nhất thời phong kiến, làm quan dưới triều nhà Mạc được 8 năm. Nhận thấy xã hội rối ren, nạn cát cứ và tranh chấp giữa các tập đoàn phong kiến Lê – Mạc, Trịnh – Nguyễn kéo dài, ông bèn cáo quan về ẩn cư trên 40 năm ở quê nhà, làm am Bạch Vân, sửa cầu Nghinh Phong, Trường Xuân, lập quán Trung Tân ở bến Tuyết Giang, dạy nhiều học trò, do đó được người đời gọi là Tuyết Giang phu tử. Tại đây, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã viết nhiều bài thơ Nôm nổi tiếng trong đó có bài “Nhàn”:

Một mai, một cuốc, một cần câu

Thơ thẩn dầu ai vui thú nào

Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn, người đến chốn lao xao

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao

Rượu đến gốc cây, ta sẽ nhắp

Nhìn xem phú quý, tựa chiêm bao

       Bao trùm trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm từ khi về trí sĩ ở quê nhà là cảm hứng thanh nhàn, tự tại, gắn bó với thiên nhiên, không tơ tưởng bon chen phú quý. Cảm hứng ấy được thể hiện bằng những bài thơ có ngôn từ giản dị, tự nhiên mà cô đọng, giàu ý vị. Bài thơ Nhàn trích trong tập thơ Nôm Bạch Vân quốc ngữ thi là một trường hợp tiêu biểu.

       Bài thơ mở đầu bằng những ngôn từ thật vô cùng giản dị:Một mai, một cuốc, một cần câu

Thơ thẩn dầu ai vui thú nào.

       Mai là công cụ để đào, cuốc để xới và cần câu để kiếm tôm cá. Nhịp thơ 2/2/3 gợi tả phong thái khoan thai của nhà Nho, nghe nh­ư nhân vật trữ tình đang nhẹ nhàng đếm bư­ớc: một… một… một…. Dù có lao động vất vả nhưng tác giả tỏ ra mãn nguyện với cuộc sống mà mình đã lựa chọn. “Thơ thẩn” là sống ung dung, không bận tâm đến sự đời đen bạc. Đó là cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm, của cụ Trạng. Nó thuần hậu và thanh khiết biết bao. Câu thơ đ­ưa ta trở về với cuộc sống chất phác nguyên sơ của cái thời “n­ước giếng đào, cơm cày ruộng”. Cuộc sống tự cung tự cấp mà vẫn ung dung ngông ngạo tr­ước thói đời. Hai câu đầu còn là cái tâm thế nhàn tản, thong dong.

       Hai câu thực so sánh hai cách sống:

Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ

Ng­ười khôn, người đến chốn lao xao.

      “Ta” đây là Nguyễn Bỉnh Khiêm và những người cùng chí hướng như ông.“Người” đây là đám vua chúa, quan lại đương thời. “Nơi vắng vẻ” là cuộc sống giữa thiên nhiên, xa cách xã hội ồn ào, lộn xộn, do đó không phải bon chen, cầu cạnh nên tâm hồn được thoải mái. “Chốn lao xao” là chốn triều đình, chốn cửa quyền có lâu đài, bổng lộc hậu hĩ nhưng phải cạnh tranh quyết liệt. Vậy là “khôn” mà thành “dại”; “dại” mà thành “khôn”. Thể bình đối tạo nên ấn tượng về sự tương phải sâu sắc giữa “ta” và “người”. Đọc đến đây, ai cũng có cảm tưởng như cụ Trạng Trình đang mỉm một nụ cười châm biếm những người gọi là “khôn”. Nối tiếp Nguyễn Bỉnh Khiêm, về sau Lê Hữu Trác – tác giả Thượng Kinh ký sự – cũng không ra làm quan, sống ở quê nhà và tự gọi là Lãn Ông – tức ông già lười nhác, lười nhác về mặt công danh.

       Vậy ra, Tuyết Giang phu tử về với thiên nhiên là để thoát ra khỏi vòng danh lợi, thoát ra khỏi chốn nhiễu như­ơng đầy những ganh tị, bon chen. Hai câu thơ diễn ý bằng nói ngư­ợc. Vì thế nó tạo cho ng­ười đọc một liên t­ưởng thật hóm hỉnh, sâu cay. Câu thơ đúng là trí tuệ sắc sảo của một bậc đại quan – trí tuệ để nhận ra cái khôn và cái dại thật sự ở đời.

      Đến hai câu luận nhà thơ lại tiếp tục nhấn thêm một chút tình điệu thôn quê nữa để ng­ười đọc cảm nhận thực sự đ­ược cái vui của “cuộc sống nhàn”:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.

       Vẫn là những ngôn từ giản dị, vẫn là những hình ảnh nghệ thuật dân dã, đời thư­ờng, vậy mà hai câu thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm “sang trọng” biết bao. Khác hẳn với lối sống hưởng thụ vật chất đắm mình trong vinh hoa, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã thụ hưởng những ưu đãi của một thiên nhiên hào phóng bằng một tấm lòng hoà hợp với thiên nhiên. Tận hưởng từ lộc thiên nhiên bốn mùa Xuân – Hạ- Thu – Đông, nhà thơ cũng được hấp thụ tinh khí đất trời để gột rửa bao lo toan vướng bận riêng tư. Cuộc sống ấy mang dấu ấn lánh đời gần gũi với triết lí “vô vi”của đạo Lão. Nhưng gạt sang một bên những triết lí siêu hình, ta nhận ra con người nghệ sĩ đích thực của Nguyễn Bỉnh Khiêm, hoà hợp với tự nhiên một cách sang trọng bằng tất cả cái hồn nhiên trong sạch của lòng mình. Không những thế, những hình ảnh măng trúc, giá, hồ sen còn mang ý nghĩa biểu tượng về phẩm chất thanh cao của người quân tử, sống không hổ thẹn với lòng mình. Nhà thơ thanh cao trong cách ăn uống sinh hoạt và cả trong cái niềm thích thú khi đư­ợc hòa mình vào cuộc sống thiên nhiên.

       Hai câu thơ kết khép lại bằng một phong thái ung dung tự tại:

Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống,

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

       Nhà thơ lấy điển tích Thuần Vu Phần, một viên tướng đời Đường, vì chán công danh, xin từ chức, về nhà uống rượu làm khuây. Một lần say, ngủ bên gốc cây hòe, chiêm bao được làm phò mã, có cuộc đời rất phú quý. Tỉnh dậy thì ra đang nằm cạnh tổ kiến bên gốc cây hòe !

       Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng giống như Thuần Vu Phần, coi phú quý chỉ là chuyện chiêm bao, chuyện hão huyền, chuyện phù du. Câu thơ cuối có cách ngắt nhịp khác hẳn các câu thơ còn lại. Thủng thẳng nói về cái thú nhàn dật rồi buông ra một câu kết như thế, nhà thơ đã thể hiện một cách dứt khoát thái độ của mình đối với chuyện công danh phú quý. Nguyễn Trãi cáo quan về ở ẩn nhưng khi được mời lại sẵn sàng ra giúp vua, giúp nước bởi tấm lòng luôn “cuồn cuộn nước triều dâng” khiến ông không thể yên tâm hưởng thanh nhàn nơi thông reo bốn mùa. Để rồi ông đã không thoát được cái án oan khiên thảm khốc. Còn Nguyễn Bỉnh Khiêm, với một thế thời khác đã kiên định lối sống ở ẩn. Trong một chừng mực nào đó, cách lựa chọn của Trạng Trình chưa hẳn đã là đúng. Song vì thế thời, để giữ gìn phẩm giá thanh sạch của mình, việc lựa chọn cách sống ấy cũng là một điều đáng để chúng ta trân trọng họ – những nhà nho chân chính.

      “Nhàn” là bài thơ có nghệ thuật điêu luyện. Từ ngữ giản dị, mộc mạc, tự nhiên mà ý vị, giàu chất triết lí, phần lớn là thuần Việt. Hình ảnh cô đọng, đối ngẫu chặt chẽ, điển cố hợp lí. Nó đánh dấu một bước tiến của thơ Nôm Đường luật ở nước ta trong thế kỉ XVI.
Tóm lại, bài thơ có nội dung sâu sắc, tiêu biểu cho phong cách thơ triết lí của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Xã hội phong kiến Việt Nam hồi thế kỷ XVI đang chìm trong khủng hoảng trầm trọng đã khiến nhà thơ chán ghét, tìm cách xa lánh nó, sống trong cảnh nhàn để giữ cho tâm hồn thanh cao. “Nhàn” mà trong sạch, cao quý, vì đó là một nét đẹp của tâm hồn kẻ sĩ thanh cao

### 6. Phân tích Nhàn ngắn nhất

      Chốn quan trường thời xưa ai cũng mong hòng có một chân trong những chức phận trong cung, người muốn thì nhiều mà người không muốn rời bỏ chốn quan trường thì ít. Nhà thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm một bậc quân thần trung quân ái quốc và một nhà nho đại tài đã trở về quê ở ẩn. Trong khoảng thời gian ở ẩn Nguyễn Bỉnh Khiêm đã sáng tác Bài thơ Nhàn thể hiện sự nhàn rỗi của mình khi rời bỏ chốn quan trường, đồng thời nói lên những quan điểm của mình về chốn quan trường ấy, “dại” hay “khôn” chỉ có thể đọc thơ của ông mới hiểu hết được quan điểm ấy.

      Cái tên của bài thơ thật độc đáo và đặc biệt. Nhan đề ấy chỉ có một từ nhưng đã nói lên tất cả những gì mà nhà thơ muốn gửi gắm. Một tiếng nhàn thể hiện sự nhàn rỗi của con người trong cuộc sống thực tại. Theo thông thường thì nhàn thì sẽ chỉ có ngồi mát ăn bát vàng thôi vậy thì nhàn mà Nguyễn Bỉnh Khiêm muốn nói đến là gì?. Nhan đề độc đáo như có tác dụng hấp dẫn người đọc hơn khi vào những tâm tư chia sẻ của nhà thơ ấy.

      Trước hết là hai câu thơ đầu với những hình ảnh quen thuộc của làng quê đồng ruộng Nguyễn Bỉnh Khiêm giới thiệu cuộc sống mà ông coi là nhàn hạ cho mọi người biết:

Một mai, một cuốc, một cần câu

Thơ thẩn dầu ai vui thú nào

      Hình ảnh những vật dụng quen thuộc của công việc làm đồng cho thấy được những không gian êm ả yên tĩnh của làng quê. Có thể mỗi nhà nho nghỉ quan về ở ẩn đều tìm đến chốn làng quê để cho tâm hồn mình thanh tịnh chứ không ở trên kinh thành. Làng quê ấy không chỉ có những cảnh vật quen thuộc như cây đa bến nước mái đình mà ở đây làng quê hiện lên trên những vật dụng công cụ của đồng áng. Nào mai, nào cuốc những thứ ấy đều là công việc mệt nhọc của nhà nông. Cái công việc mà làm quần quật cả ngày bán mặt cho đất bán lưng cho trời, một nắng hai sương. Ấy thế mà ở đây tác giả lại nơi đây là việc nhàn tại sao vậy. có thể nói so với Nguyễn Bỉnh khiêm thì đó là một công việc tuy mệt mỏi chân tay nhưng lại không mệt trí óc hay tâm hồn. Chí ít ra thì ở đây ông có thể “thẩn thơ” với thú vui câu ca cảnh vật làng quê, tận hưởng sự bình yên không khí nơi đây.

      Tiếp đến hai câu thơ sau thì chúng ta thấy được những quan niệm của nhà thơ về sự “khôn” “dại” trong việc làm quan hay nghỉ hưu về quê làm một anh nông dân quèn để giữ cho mình một khí tiết trong sạch:

Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn, người đến chốn lao xao

      Chắc hẳn trước sự lựa chọn của Nguyễn Bỉnh Khiêm thì nhiều người có thể nói ông là dại chính vì thế mà ông đã nói lên chính những tâm sự của mình để bày tỏ quan điểm sống. Tác giả nói ta dại cho nên ta về nơi thôn quê vắng vẻ hẻo lánh để ở còn người khôn người đến những chốn lao xao như quan trường. có thể thấy rằng ở đây tác giả đã thể hiện cách nói đối lập để làm rõ quan điểm của mình. Đồng thời cũng qua đó ta thấy được lẽ sống của những bậc nho gia thời xưa. Người nhà nho không gì quý hơn là thanh danh và sự trong sạch của mình chính vì thế mà ai cũng hết sức lắng đục tìm trong để bảo vệ cho khí tiết của mình. Nơi vắng vẻ ở đây chính là chốn làng quê, chốn lao xao chính là nơi quan trường nhiều hiểm độc.

      Tưởng chừng những nơi vắng vẻ kia nguy hiểm nhưng chính chôn lao xao kia mới là đáng sợ. bởi vì sao? Vì trong cái chốn thâm cung nhiều người âm mưu nghiệp lớn hãm hại lẫn nhau, đấu đá dành phần hơn và có thể bất chấp mọi thủ đoạn để tiến lên. Chính vì thế mà nhà thơ chán ghét và đặc biệt nói cách ở trên thì nhà thơ như muôn người đọc tự hiểu được như thế nào mới là dại mới là khôn thật sự.

      Cảnh sống nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm được thể hiện rất rõ trong hai câu thơ tiếp theo. Đó bức tranh của xuân hạ thu đông, bốn mùa của đất trời và khi ấy con người nhàn hạ kia đã có những thực phẩm thể hiện sự nhàn của mình:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao

      Mùa thu tác giả ăn măng trúc trong rừng, mùa đông thì ăn giá đỗ, mùa xuân tắm hồ sen, mùa hạ tắm ao. Cảnh sinh hoạt của nhà thơ nơi thôn dã thật sự rất bình thường thế nhưng qua đó ta thấy được một tâm hồn đồng điệu với thiên nhiên, sống hoà hợp với thiên nhiên, ăn, uống, tăm những gì của thiên nhiên. Có thể nói nhà thơ như đang hòa mình vào đất trời. Mùa đông ăn giá là giá đỗ hay cũng chính là cái giá lạnh của gió mùa đông bắc. thế nhưng cuộc sống như thế nhà thơ không cần phải lo nghĩ gì và theo quan điểm của nhà thơ thì đó chính là “nhàn”.

      Cuộc sống nhàn ấy với một nhà nho không chỉ hoà hợp với thiên nhiên mà còn phải có cả rượu:

Rượu đến gốc cây, ta sẽ nhắp

Nhìn xem phú quý, tựa chiêm bao

      Đến rượu cũng thật sự là thiên nhiên qua hình ảnh rượu đến gốc cây. Cái “nhắp” kia như vẽ lên một hình ảnh nhà nho già tây cầm ly rượu mà đưa lên môi nhắp lấy một cái ngâm trong miệng cái nồng nàn hơi men của rượu. Thế rồi mắt đưa ra khung cảnh bầu trời mà mơ màng ngắm vịnh. Đối với Nguyễn Bỉnh Khiêm thì đó chính là cuộc sống thanh đạm của nhà thơ song đối với ông thì đó chính là phú quý như một giấc chiêm bao vậy.

      Bài thơ đã vẽ lên một nhà nho về quê ở ẩn với những thú vui lao động như bao nhiêu người nông dân khác. nếu như những người nông dân coi việc đó là chán ngắt thì với Nguyễn Bỉnh Khiêm đó lại chính là thú vui. Cuộc sống đạm bạc giản dị mà thanh cao cùng với quan điểm “khôn- dại” ta thấy hiện lên một nhà nho đạm bạc và một tâm hồn cao đẹp yêu thiên nhiên biết bao nhiêu.

    *//Trên đây là 4 bài văn mẫu hoàn chỉnh* ***phân tích bài thơ Nhàn (Nguyễn Bỉnh Khiêm)****,*

**IV. Kiến thức mở rộng**

*Bên cạnh những nội dung luận điểm chính trong phần dàn ý, trong quá trình làm bài các em có thể bổ sung thêm một số thông tin sau hoặc những thông tin khác mà em tìm hiểu được ngoài SGK để bài viết thêm phong phú và sâu sắc hơn.*

**- Sơ đồ tư duy phân tích bài *Nhàn*** sẽ giúp em ghi nhớ một cách dễ dàng những ý chính trong nội dung cần phân tích.



- **Hoàn cảnh của tác giả khi sáng tác**: Nguyễn Bỉnh Khiêm làm quan 8 năm dưới triều Mạc, một lần ông dâng sớ xin vua chém đầu 18 tên lộng thần nhưng không được chấp nhận, ông cáo quan về quê xa rời chốn quan trường và trở về ở ẩn tại làng quê, một cuộc sống an nhiên tự tại tránh xa những bon chen thị phi của chốn quan trường. Ông sáng tác bài thơ này để thể hiện quan điểm và dại khôn ở đời.

- **Triết lí nhân sinh trong bài *Nhàn***:

   Hai câu thơ cuối bài thể hiện tập trung, sâu sắc quan niệm triết lí nhân sinh của tác giả. Hai câu này lấy tích trong truyện đời Đường. Chuyện kể về Thuần Vu Phần là một viên tướng tài, tính tình phóng khoáng, do xúc phạm thống soái, bị quở mắng nên từ chức về nhà, lấy uống rượu làm vui. Một hôm, Vu Phần say rượu ngủ bên gốc cây hòe, mơ thấy mình được làm phò mã cho vua nước Hòe, được hưởng giàu sang phú quý, tỉnh dậy mới biết đó chỉ là giấc mơ. Tác giả mượn điển tích này để bộc lộ thái độ xem thường phú quý, coi chốn quyền danh phú quý chỉ là giấc chiêm bao, không có thực, qua đó khẳng định thêm một lần nữa sự lựa chọn phương châm sống, cách ứng xử của riêng mình. Lánh đời ẩn dật, cách ứng xử đó của tác giả có vẻ tiêu cực. Nhưng trong hoàn cảnh nào đó, khi muốn giữ gìn nhân cách, sự thanh thản, tĩnh tại cho mình, đó lại là cách ứng xử tích cực.

**- Nhận định hay về tác giả Nguyễn Bỉnh Khiêm và quan niệm sống nhàn:**

   “*Ông nhàn là người sống với tư cách là một cá nhân, chứ không phải với tư cách thành viên của một cộng đồng nào đó, là một con người có lạc thú, chứ không phải chỉ có chức năng, nghĩa vụ. Sống dưới chế độ chuyên chế theo Nho giáo, con người bị trói buộc bởi hai sợi dây: nghĩa và phận. Phận vạch ranh giới cho từng người, quy định mức cho mỗi người được ngồi, đứng, nói năng, xưng hô, ăn, ở. Nghĩa nhắc nhở mọi người có trách nhiệm đối với người trên kẻ dưới,… Trong xã hội tổ chức như vậy, con người không được coi mình là cá nhân - độc lập, có cái riêng của mình, không được nghĩ đến lạc thú. Do đó tìm nhàn dật là tìm cái vui cho thân tâm, tránh cái lụy hình dịch, là tìm thoát khỏi sự ràng buộc chặt chẽ mà vô hình của thể chế chuyên chế theo Nho giáo,… Ông nhàn tự coi mình là cá nhân không bị ràng buộc. Nhưng một mặt không thể coi cá nhân là cô độc, coi cái “tôi” là trung tâm. Cho nên cố tránh ràng buộc bằng cách từ bỏ danh lợi, không đi con đường công danh, giành phận vị, coi thường giàu nghèo, sang hèn, đứng ngoài sự ràng buộc của phận. Để có chút thoải mái đó, ông nhàn phải chủ động tự hạn chế: không cậy tài, yên phận, không tranh giành và không động lòng về lời khen, tiếng chê.*”

(Trần Đình Hượu, trong *Nguyễn Bỉnh Khiêm danh nhân văn hoá*, Bộ Văn hoá thông tin và thể thao xuất bản, H, 1991)

**Tổng kết nội dung hướng dẫn phân tích bài Nhàn**

   Vậy là Đọc Tài Liệu đã vừa giới thiệu đến các em những gợi ý chi tiết cách làm cùng ***4 mẫu bài văn hay phân tích bài thơ Nhàn*** của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Hi vọng bằng cách tham khảo cách làm và chắt lọc các ý văn hay từ những bài văn mẫu này, các em sẽ có cho mình một bài văn chi tiết và hoàn thiện nhất. Chúc các em đạt điểm cao !